

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81 /2023/HS-PT**

Ngày: 21/8/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Trung Thành**.

Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hồng Thắm** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh KH1.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KH1 mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2023/TLPT-HS ngày 20/4/2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn Th do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện DK1, tỉnh KH1.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 tại huyện DK1, tỉnh KH1; nơi cư trú: thôn An Định, xã Diên Phước, huyện DK1, tỉnh KH1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn Th1 (chết) và bà Nguyễn Thị H1 (chết); tiền án: Bản án số: 63/2012/HSST ngày 29/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh LD1 xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2014, đến ngày 05/7/2021 được Tòa án nhân dân huyện DK1 miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tiền sung công quỹ nhà nước, đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường dân sự theo bản án nêu trên; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 08/2010/HSPT ngày 15/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh KH1 xử phạt 09 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2010, chưa nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm; Bản án số 69/2015/HSST ngày 07/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh LD1 xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 24 tháng tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tổng hợp hình phạt hai tội buộc chấp hành hình phạt chung là 48 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2018, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 27/9/2016. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2021, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 17/9/2021, tổ công tác Công an xã DA1, huyện DK1 tuần tra trên tuyến đường Lầu Ông Huyện thuộc thôn Phú Ân Nam 2, xã DA1, huyện DK1 phát hiện Nguyễn Văn Th và Hà Ngọc D1 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Trong lúc kiểm tra, bị cáo Th lấy trong túi quần trước bên trái 01 gói thuốc lá JET ném xuống đất, bên trong có 02 túi ni lông màu trắng trong suốt cùng kích thước là (4,5x3)cm đựng chất tinh thể rắn dạng đá màu trắng, Th khai là ma túy đá (niêm phong trong phong bì ký hiệu A). Đồng thời, Th còn chỉ tại vị trí dựng xe mô tô có nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển kiểm soát: 79T2-8279 mà bị cáo sử dụng, bị cáo có để một hộp giấy màu vàng nhãn hiệu Việt Hương, bên trong có 01 túi ni lông màu trắng loại có khóa khần miệng màu đỏ, kích thước (7,5x4)cm đựng chất tinh thể rắn dạng đá màu trắng. Th khai là ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu B). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn Th về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đưa Th và D1 về trụ sở Công an xã DA1 làm việc.

Kết luận giám định số 351/GĐ-GT/2021 ngày 23/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh KH1: Tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu **A** gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,4138 gam, là Methamphetamine. Tinh thể màu trắng trong trong mẫu ký hiệu **B** gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,7638 gam, là Methamphetamine.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện DK1, tỉnh KH1 đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, bản án còn quy định về án phí và thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 06/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1 có Quyết định kháng nghị số 48/QĐ-VKS-P7 với nội dung: Việc Tòa án nhân dân huyện DK1 áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th ở trường hợp này gây bất lợi và không đúng quy định của Bộ luật Hình sự và Luật Thi hành án dân sự, đề nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện DK1, tỉnh KH1 theo hướng không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1 đã giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 48/QĐ-VKS-P7 ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định kháng nghị số 48/QĐ-VKS-P7 ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1 còn trong hạn luật định nên hợp lệ để xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện DK1 đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “*tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng nghị:

Nhận thấy: Theo Bản án số 63/2012/HSST ngày 29/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh LD1 thì ngoài hình phạt tù, bị cáo Nguyễn Văn Th còn phải bồi thường cho bà Đỗ Thị Kỳ số tiền 1.500.000đ. Tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo đều xác định bị cáo Th chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2014 nhưng chưa thực hiện phần trách nhiệm bồi thường dân sự nêu trên.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Theo qui định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 thì: “*Trường hợp phạm nhân là người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người được họ ủy quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện nộp tiền, tài sản thi hành án khi đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự không ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án. Trường hợp này, cơ quan thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án tương ứng với khoản tiền, tài sản họ tự nguyện nộp...*”.

[3.2] Theo nội dung của Công văn số 648/TCTHADS-NV2 ngày 03/3/2020 của Tổng cục thi hành án dân sự thì phải thực hiện theo khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP nêu trên để đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự khi thời hiệu thi hành án đã hết mà người được thi hành án không có đơn yêu cầu và khi đó mới đủ điều kiện để xem là đương nhiên xóa án tích.

Liên quan đến nội dung này, ngày 30/3/2020, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ tư pháp đã ban hành Công văn số 111/TTLLTPQG - HCTH về “*Hướng dẫn nghiệp vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp*”, theo đó phổ biến đến Sở tư pháp các tỉnh thành trên toàn quốc về việc thực hiện theo Công văn số 648/TCTHADS-NV2 ngày 03/3/2020 của Tổng cục thi hành án dân sự nêu trên.

[3.3] Theo qui định tại Điều 3 của Luật thi hành án dân sự thì: “*Thời hiệu yêu cầu thi hành án là thời hạn mà người được thi hành án, người phải thi hành*

án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án; hết thời hạn đó thì mất quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này”. Như vậy, Luật thi hành án dân sự cũng xác định: Khi hết thời hiệu yêu cầu thì người được thi hành án sẽ mất quyền yêu cầu thi hành án chứ không xem là đương nhiên đã thi hành án xong, đây là hai nội dung hoàn toàn riêng biệt.

Từ nội dung các văn bản nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có cơ sở để xác định việc Nguyễn Văn Th chưa thi hành phần trách nhiệm bồi thường dân sự phải được xem là chưa thi hành xong bản án và vẫn xem đó là tiền án. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 70 của Bộ luật Hình sự để xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Th thuộc trường hợp “Tái phạm” là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 48/QĐ-VKS-P7 ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn Th**.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/9/2021.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KH1;
- Sở Tư pháp tỉnh KH1;
- Công an tỉnh KH1;
- Vụ giám đốc I;
- TAND huyện DK1;
- VKSND huyện DK1;
- Công an huyện DK1;
- Chi cục THADS huyện DK1;
- Trại giam; Nhà tạm giam, tạm giữ;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long